

VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG XƯA: ÔN CỔ TRI TÂN

Nguyễn Đình Chú*

Nhận bài: 22/07/2021; Nhận kết quả bình duyệt: 25/07/2021; Chấp nhận đăng: 12/09/2021

©2022 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Văn hóa phương Đông có vị trí quan trọng trong phạm vi toàn thế giới. Sự khác nhau giữa văn hóa Đông, Tây từ góc nhìn vĩ mô nhất về triết lý nhân sinh và phong cách tư duy từ đó là hai ngã phát triển cuộc sống, hai hình thái văn hóa. Văn hóa Việt Nam trong văn hóa phương Đông xưa thể hiện ở Kinh Dịch, Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, mẫu người lý tưởng. Trong hoàn cảnh đó cuộc đụng độ văn hóa Đông, Tây ở Việt Nam đã diễn ra với hai mặt: tích cực và tiêu cực. Tích cực là hỗ trợ văn hóa phương Đông phát triển theo hướng hiện đại hóa, dân chủ hóa. Tiêu cực là tạo ra sự áp đảo văn hóa phương Đông theo qui luật áp đảo và bị áp đảo trong tương quan mạnh yếu. "Ôn cổ tri tân" là qui luật phát triển đất nước từ phạm vi quốc gia đại sự đến mọi gia đình, mọi cá nhân ở mọi phương diện của cuộc sống. Đây là chuyện dài cát tìm vàng, bảo tồn di sản; về bản chất là khác hẳn với chuyện phục cổ. Cho nên rất cần được lãnh đạo đất nước, các nhà tuyên huấn, các trí thức khoa học xã hội và nhân văn đặc biệt quan tâm trong khi thực hiện đường lối "Kinh tế là trọng tâm, văn hóa là nền tảng tinh thần, hòa nhập mà không hòa tan, xây dựng một nền văn hóa hiện đại, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc."

Từ khóa: Văn hóa phương Đông, Văn hóa phương Tây, Triết lý nhân sinh, Nho giáo, Phật giáo

Đất nước đang hào hứng đi vào thời đại công nghệ 4.0, 5G và kinh tế số xã hội số để được hiện đại hơn, văn hóa hơn, giàu có hơn. Khát vọng lớn lao và thiết tha nhất của chúng ta là làm sao đất nước vừa có đời sống vật chất sung sướng, sang trọng, vừa có đời sống văn hóa thanh cao, đạo đức lành mạnh. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã hơn một lần nhấn mạnh: "Kinh tế là trọng tâm, văn hóa là nền tảng tinh thần." Trong đó, văn hóa thuộc về phần hồn là chính chứ không phải phần xác. Đất nước đã có chủ trương rất thiết yếu không gì hơn là xây dựng "một nền văn hóa tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc" và "hòa nhập mà không hòa tan". Nhưng thực tế đang là thế nào? Có phải chúng ta đã yên tâm hẳn với những gì đang diễn ra trước mắt? Thế giới sẽ là thế giới phẳng. Vậy thì quốc hoa, quốc túy, quốc hồn sẽ còn là gì đây khi nghĩ đến chất lượng sống Việt Nam?

Câu chuyện muốn được trình bày ở đây không phải là chuyện sách vở vô bổ mà tự coi là những điều cơ bản cần thiết cho đất nước trước những vấn đề nêu trên. Bởi ở đây nói chuyện xưa nhưng là để nghĩ về chuyện nay một cách có cơ sở. Nói chuyện văn hóa phương Đông xưa chính là để hiểu văn hóa Việt Nam xưa đã là thế nào, để rút kinh nghiệm cho hôm nay một khi muốn xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc.

Những gì trình bày ở đây đang là chuyện bắt voi bỏ giỏ, và cũng là của một người tự thấy hiểu biết chưa là gì lắm nhưng tấm lòng thì không thiếu. Nên xin được coi đây chỉ là nêu vấn đề. Rất mong nhận được sự hưởng ứng và chỉ bảo của các bậc đại nhân đại thức.

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Vị trí của văn hóa phương Đông xưa trên phạm vi toàn thế giới và sự khác nhau giữa văn hóa phương Đông xưa và văn hóa phương Tây

Như mọi người đã biết ở thời cổ đại, thế giới có ba nền văn hóa lớn nhất trong đó phương Đông chiếm hai là văn hóa Trung Hoa và văn hóa Ấn Độ, phương Tây có một là văn hóa Hy La. Dĩ nhiên, nội hàm khái niệm Đông Tây là có tính lịch sử cụ thể trong quá trình nhận diện về địa lý.

Sự khác nhau giữa văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây trên phương diện triết lý nhân sinh ở cấp độ vĩ mô bước đầu được hiểu như sau:

a) Ở phương Đông thể hiện rõ nhất là văn hóa Trung Hoa với quan niệm thiên nhân hợp nhất, thiên nhân nhất thể, thiên nhân tương dự, tam tài Thiên Địa Nhân, coi con người sống trong sự Trời che Đất chở. Hạnh phúc của con người là hạnh phúc giữa con người với con người nhưng cũng còn là hạnh phúc con người trong sự hòa nhập với thiên nhiên. Trong khi đó, ở phương Tây lại coi con người là trung tâm của vũ trụ. Vũ trụ là phương tiện sống của con người. Từ sự khác nhau cơ bản đó mà một bên thì ít khai thác, cũng là ít phá hoại thiên nhiên nên cuộc sống nghèo. Một bên thì tha hồ khai thác thiên nhiên nên giàu có gấp bội nhưng lại phá hoại môi sinh nặng nề. Xét về trường kỳ sự sống của nhân loại thì chính phương án của phương Đông lại bền vững hơn*. Có người đã nói đến cái gọi là “Cơn hấp hối” (L’agoni) của phương Tây do phá hoại môi sinh tự nhiên. *Văn minh tân học sách* của Đông Kinh nghĩa thực mệnh danh văn hóa phương Đông là “văn hóa tĩnh” thiên về đời sống tinh thần, văn hóa phương Tây là “văn hóa động” thiên về đời sống vật chất. Nhìn vào lịch sử văn hóa Đông - Tây sẽ thấy điều đó. Dĩ nhiên đây là chuyện khác nhau của thời cổ trung đại chứ không phải thời nay một

khi thế giới đang dần trở thành thế giới phẳng.

b) Về phong cách tư duy, cũng đã có quan niệm cho rằng với phương Đông là tư duy cầu tính (sphérique), tư duy chủ toàn (globale) thiên về hỗn hợp (cynchrétique), kém khả năng phân tích nên kém phát triển khoa học kỹ thuật. Còn phương Tây là tư duy chủ biệt, tư duy tuyến tính (linéaire), giàu khả năng phân tích (analytique) nên phát triển khoa học kỹ thuật để giàu có phi thường [8], [2]. Sự khác nhau về phong cách tư duy bao trùm lên mọi phương diện của sự sống. Ví như trong văn chương, cùng là nói về nỗi cô đơn của con người thì Mác két viết *Trăm năm cô đơn* hơn ba trăm trang; trong khi Trần Tử Ngang đời Đường Trung quốc chỉ có bốn câu: *Tiền bất kiến cố nhân/ Hậu bất kiến lai giả/ Niệm thiên địa chi du du/ Độc thương nhiên nhi thê hạ*” (Nhìn về trước chẳng thấy người xưa/ Nhìn về sau cũng chẳng thấy người nay/ Nghĩ về trời đất bao la/ Thương cho mình đến rơi nước mắt). Hỡi độ cô đơn bên nào lớn hơn khi mà với Trần Tử Ngang là một nỗi cô đơn tuyệt đối trong thời gian và không gian chỉ gói gọn trong hai mươi hai chữ.

2. Nhất lãm văn hóa phương Đông xưa

Sách vở từng cho rằng, phương Đông xưa là văn hóa đức trị; phương Tây là văn hóa pháp trị. Mà pháp trị thì tiến bộ hơn đức trị. Nói thế chưa thật thỏa đáng. Bởi pháp trị chắc gì đã hơn đức trị. Mỗi bên có cái hay mà vẫn có cái chưa hay. Vả chẳng phương Đông là đức trị nhưng không phải không có pháp luật. Phương Tây pháp trị nhưng nào thiếu đức trị. Vấn đề là nội dung và cường độ đức trị và pháp trị thì mỗi bên mỗi khác. Trong phạm vi phương Đông xưa, mỗi quốc gia có một nền văn hóa mang tính dân tộc không nước nào giống nước nào. Tuy nhiên vẫn chung nhau một khu vực văn

* Dựa theo ý của ông Đỗ Cao Trí gốc Hoa quốc tịch Pháp Giám đốc UNESCO trong bài gửi tham luận tại Chương trình khoa học quốc

gia KX.07: Con người với tư cách là mục tiêu và động lực phát triển đất nước.

hóa trong đó có mấy thành quả nổi trội như sau:

– **Kinh Dịch:** cốt lõi là học thuyết âm dương với nội hàm là trong âm có dương trong dương có âm, chỉ có âm khi có dương chỉ có dương khi có âm, âm là âm dương là dương. Học thuyết âm dương là sản phẩm trực cảm thiên tài vô song về qui luật bao quát nhất, bản chất nhất về sự tồn tại của sự sống nói chung, bao gồm sự sống của tự nhiên và sự sống của loài người, là luật đối trọng (contre poids) mà nội hàm cao sâu hơn luật mâu thuẫn (contradiction) đối kháng. Dù ở thời cổ đại Hy Lạp Héraclite cũng đã chạm đến luật đối trọng khi có ý tưởng: “Không bao giờ hai lần đi xuôi một dòng sông vì trong đó có mâu thuẫn. Chúng ta xuôi và không xuôi. Chúng ta có và không có... Chính sự đau ốm cho ta thưởng thức sự khỏe mạnh. Cái xấu cho ta thưởng thức cái tốt. Cái mệt nhọc cho ta thưởng thức cái nghỉ ngơi” [10]. Tuy nhiên, nó lại không tạo ra được một triết thuyết bề thế phi thường như *Kinh Dịch*. Đối trọng tạo quân bình (équilibre). Quân bình mới phát triển. Trồng một cái cây, nếu bị gió quật trái quật phải thì không thể phát triển nhô cao. Chỉ khi đứng yên (fixer) quân bình mới phát triển. Sự sống của loài người cũng vậy. Nếu chỉ sống mà không chết hoặc chỉ chết mà không sống thì đều không có sự sống. Thế giới có bao nhiêu ngôn ngữ thì ngôn ngữ nào cũng có từ tương phản là bởi sự sống tồn tại theo luật đối trọng. Hiện tượng lấy số tử vi là một sự phân loại thế giới loài người triệt để nhất, không một hình thức phân loại nào địch nổi. Chứng tỏ *Kinh Dịch* đã ôm hết mọi kiếp người trong muôn nơi muôn thuở. Tử vi là sự phân loại thế giới con người tới mức cá thể. Hai anh em sinh đôi cùng chung bụng mẹ, chung giờ sinh tháng đẻ mà vẫn mỗi người một số tử vi. Trong lịch sử thư tịch của nhân loại cổ kim Đông - Tây hỏi có một thư tịch nào có sức sống đa diện, đa chiều, thuận nghịch chiều và bền vững như *Kinh Dịch*.

– **Nho giáo:** là học thuyết Đạo đức chính trị xã hội chứ không phải chính trị xã hội

đạo đức như đó đây thường nói, có vai trò chủ công trong việc thiết chế hóa xã hội phong kiến với một đường lối cơ bản không gì hơn trong muôn đời: “Cách vật trí tri tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ”. Trong đó, tu đức là gốc rễ của công đức. Có cần kiệm liêm chính thì mới chí công vô tư. Coi trọng gia đình với gia phong, gia đạo, gia pháp bởi nhà có yên thì nước mới vững, thiên hạ mới bình. Đứng đồng nhất Nho giáo với chế độ phong kiến để rồi phủ nhận chế độ phong kiến thì cũng phủ nhận Nho giáo. Trong khi chế độ phong kiến đã tiêu vong nhưng ai dám nói Nho giáo đã không còn. Cũng đừng tuyệt đối hóa bắt Nho giáo cũng như bất cứ học thuyết nào phải ôm hết mọi phương diện của cuộc sống vốn là thiên hình vạn trạng. Bởi mỗi học thuyết chỉ ôm được một mặt nào đó của cuộc sống trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Với Nho giáo điều cần ghi nhận là: về việc xây dựng nhân cách con người, dù còn hạn chế còn thiếu điều này điều nọ nhưng vẫn là một học thuyết bề thế đích đáng nhất trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Lãnh tụ Hồ Chí Minh nếu không có sự tu thân theo Nho đạo mà Người rất mực đề cao thì sẽ là một Hồ Chí Minh khác. Thế giới sùng bái Hồ Chí Minh chính là sùng bái từ lối sống lấy sự tu thân làm gốc mà trở thành anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới [3].

– **Phật giáo:** là tôn giáo mang nặng ám ảnh đời là bể khổ kèm theo một khát vọng "tứ hải giai huynh đệ". Trước sự bất công và thiện ác tương tranh là định mệnh khắc nghiệt của trần gian, có bao nhiêu học thuyết muốn tìm phương giải cứu nhân loại khỏi định mệnh khắc nghiệt đó. Với Phật giáo là nhằm xây dựng tình thương giữa con người với nhau để hạn chế sự bất công ác độc. Phật giáo là tôn giáo giàu tình thương con người nhất. Phật giáo xa lìa mọi thứ chiến tranh. Bởi với Phật giáo, chiến tranh nào cũng là cốt nhục tương tàn nòi da nẫu thịt. Nhà bác học thiên tài của thế kỷ XX, Einstein người phương Tây, trong dịp tiếp xúc với Thủ tướng Nehru của Ấn Độ năm 1947 tại New York đã nói “Nếu cần một tôn giáo

cho toàn vũ trụ thì không gì hơn là Phật giáo". Phật giáo từ quê hương Ấn Độ đã lan tỏa ra các nước phụ cận rồi thế giới chỉ bằng con đường dân sự và gắn bó nhất với những kiếp người đau khổ. Ở một số nước, Phật giáo trở thành quốc giáo đã góp phần tích cực xây nên nền tảng triết lý nhân sinh cao đẹp. Khi không phải là quốc giáo thì Phật giáo vẫn là một nền tảng của phần hồn ở đất nước đó.

– **Đạo giáo:** có nguồn gốc từ Lão giáo. Lão giáo với khái niệm cốt lõi cao siêu là Đạo, về sau biến tướng thành Đạo giáo theo con đường siêu hình ma thuật mang tính chất hai mặt. Mặt tiêu cực là mê tín dị đoan làm hao hụt tính tự tin tự chủ của con người trong cuộc sống. Mặt tích cực là tạo thêm đời sống tâm linh có lợi cho việc diệt ác trừ tà, hướng con người vào cõi thiện, góp phần bình yên cuộc sống. Trong cuộc sống của xã hội phong kiến đức trị ở phương Đông xưa, có hai loại cảnh sát là cảnh sát trần gian và cảnh sát tâm linh. Con người làm gì cũng biết sợ khi chết xuống âm phủ thì sẽ bị đầu thai làm trâu bò chó ngựa, nặng tội thì bị ném vào vạc dầu. Chủ nghĩa vô thần và học thuyết duy vật thô sơ đã không hiểu tác dụng thực tiễn của hiện tượng tâm linh đó. Bởi sự nhận thức về đời sống tâm linh giữa phương Đông xưa và phương Tây khác nhau khá rõ. Một ví dụ về khái niệm "Thiên tử", "thế Thiên hành đạo" trong thuyết quân vương của phương Đông xưa coi ông vua là con Trời, có sứ mệnh thay Trời thực hành đạo lý trong nhân gian. Đúng là thực tế làm gì có ông Trời. Cho nên với học thuyết duy vật thì chuyện ông Trời là siêu hình vô nghĩa. Lại có quan niệm cho rằng đó là chuyện tạo thần quyền để tăng uy thế cho quân quyền. Vậy thực tế là gì? Loài người với *năng lực người* mà muôn loài không có đã tạo ra đủ loại thần linh, như Khổng Tử nói "kính thần như thần tại" là đúng thế. Các Mác cũng nói "Con người sáng tạo ra tôn giáo chứ không phải tôn giáo sáng tạo ra con người" [9]. Còn Thiên chúa giáo nói Chúa sinh ra muôn loài là chuyện của tôn giáo. Với thuyết thiên mệnh của Nho giáo, ông Trời đã ngự trị trong tâm tưởng của ông

vua để khích lệ đôn đốc kiểm tra uốn nắn ông vua không chỉ trong hành động mà còn trong suy tư thầm lặng để thay Trời hành hóa đạo lý với con dân. Nó siêu hình nhưng tác dụng thực tiễn là vô cùng lớn lao. Siêu hình mà lại là thế tục. Cho nên dù trong thực tế vẫn có hôn quân nhưng minh quân nào có ít.

– **Mẫu hình nhân cách thuộc văn hóa phương Đông xưa:** xã hội đức trị phương Đông xưa đã tạo ra mẫu người quân tử lấy tu đức làm nền cho công đức bên cạnh những mẫu người đạo sĩ tu hành. Cá nhân tu đức là tế bào khỏe để có cơ thể xã hội khỏe với bao nhiêu là hình thái cộng đồng. Ở đây, nhìn chung cái Ta lớn hơn cái Tôi, lấn át cái Tôi. Cũng rất coi trọng cái Tôi nhưng chỉ là cái Tôi đạo đức: quân tử độc thiện kỳ thân, quân tử thận kỳ độc, nhất nhật tam tỉnh ngô thân, quân tử hành chi đại đạo, kỳ sở bất dục vật thi ư nhân... Vấn đề cái Tôi - con người cá thể (L'individu) hiểu theo nghĩa triết học hiện đại cơ bản vẫn chưa được đặt ra. Nổi lên vẫn là con người đạo lý, con người duy tình, duy linh, con người hướng nội. Trong khi ở phương Tây, ngay từ thời La Mã cổ đại, cái Tôi (L'individu) đã xuất hiện và đến thời Phục Hưng thì đã nổi rõ với mẫu người tự ý thức và duy lý, có vai trò phát triển xã hội lớn lao. Vấn đề "Tồn tại hay không tồn tại" (To be or not to be) của Hamlet, nhân vật của Shakespeare với luận đề "Tôi tư duy ấy là tôi tồn tại" (Je pense donc je suis) của Descartes đánh dấu một bước tiến vĩ đại của chủ nghĩa nhân văn của phương Tây và cũng là của nhân loại. Tất nhiên, ở đây lại có vấn đề: từ cái thẳng Tôi (Le Moi), trong thực tiễn cuộc sống đã nảy sinh hai ngã; một là cái Tôi nhân bản (L'individu) rất cần được biểu dương, cần được khuyến khích phát triển; một là cái Tôi phi nhân bản (L'individualisme) cần tiêu diệt mà không dễ gì tiêu diệt. Điều tối ưu cần có là vừa phát huy cái Tôi cá thể vừa phải kết hợp hài hòa cái Tôi với cái Ta [1].

3. Nhất lãm văn hóa Việt Nam trong nền văn hóa phương Đông xưa

Việt Nam là một quốc gia có lịch sử mấy ngàn năm. Trải qua ngàn năm Bắc thuộc đã giành lại độc lập và xây dựng phát triển đất nước theo mô hình phong kiến đức trị. Dù quốc gia không thoát khỏi qui luật thiện ác tương tranh nhưng cũng từ đó mà có một nền văn hóa cao diệu đã được Nguyễn Trãi đúc kết biểu dương trong *Bình Ngô đại cáo*: “Nhu nước Đại Việt ta vốn xưng văn hiến đã lâu, hào kiệt đời nào cũng có”. Nền văn hiến đó kết tinh từ cơ sở văn hóa dân gian bản địa và sự giao thoa với văn hóa phương Đông có Nho Phật Đạo theo tinh thần Tam giáo đồng nguyên hòa quang đồng trần trong đó mỗi giáo có vai trò riêng của nó.

Nho giáo đã đến với nước ta với hai trạng thái: Trạng thái thứ nhất là theo con đường xâm lược của phong kiến phương Bắc từ đời nhà Hán và những lần xâm lược về sau. Thứ Nho giáo gắn với xâm lược đó dĩ nhiên là phản dân tộc nên một khi xâm lược bị tống khứ thì nó cũng bị bài trừ. Trạng thái thứ hai là thuộc qui luật tự thân của văn hóa. Trong đó có hiện tượng lan tỏa ảnh hưởng của một nền văn hóa lớn vào các nền văn hóa nhỏ bé trong phạm vi khu vực. Cho nên kẻ xâm lược phương Bắc bị tống khứ nhưng Nho giáo vẫn ở lại và góp phần xây dựng phát triển văn hóa Việt Nam ở thời trung đại theo qui luật tiếp biến (acculturation). Có ý kiến cho rằng Nho giáo là phản động, dân tộc ta tồn tại là nhờ chống được Nho giáo. Đó là ý kiến do chỉ nhìn vào trạng thái thứ nhất mà không thấy còn trạng thái thứ hai. Nho giáo đã tạo ra trên đất nước ta ở thời trung đại mẫu người nhà Nho đóng vai trò chủ công trong việc xây dựng phát triển văn hóa giáo dục. Bao gồm các loại: nhà Nho nhập thể, nhà Nho tài tử, nhà Nho ẩn dật, nhà Nho bác học, nhà Nho bình dân, hủ Nho. Trong loại nhà Nho nhập thể có nhà Nho nghĩa khí thể hiện tinh hoa khí phách của dân tộc được nhân dân sùng kính tôn thờ vĩnh viễn. Nho giáo còn xây dựng mẫu người kinh bang tế thế không đơn thuần làm ra của cải mà còn là

phát triển xã hội toàn diện để “trị quốc bình thiên hạ”, tiêu biểu như Nguyễn Công Trứ.

Phật giáo đã đến với nước ta bằng con đường dân sự và đồng hành với dân tộc bao đời nay. Văn hóa Phật giáo đã khai sinh ra văn hóa bác học Việt Nam ngay từ thời Bắc thuộc. Sau ngày đất nước giành lại chủ quyền, Phật giáo trở thành quốc giáo trong Tam giáo đồng nguyên đã tạo ra trên đất nước ta những giá trị tinh thần, những triết lý nhân sinh cao diệu cho muôn đời [4]. Từ đó xuất hiện một nhân vật lịch sử vĩ đại là Phật hoàng Trần Nhân Tông đã sống theo triết lý *Cư trần lạc đạo* do Ngài đề xướng, đạt tiêu chuẩn “tam bất hủ: Lập đức, lập công, lập ngôn” [5]. Chế độ phong kiến trở thành phong kiến tập quyền đã dựa vào Nho giáo vì có tính nhập thể nổi trội. Trong hoàn cảnh lịch sử đó, Phật giáo không còn là quốc giáo nhưng thực tế vẫn phát triển góp phần làm nền tảng phần hồn của đất nước, của văn hóa dân tộc. Ngay vua chúa quan lại về thể chế thì dựa vào Nho giáo nhưng phần hồn vẫn là Phật giáo. Có hiện tượng sùng Nho bài Phật nhưng chỉ thoáng qua. Ở Truyện Kiều kiệt tác thiên tài của Nguyễn Du, hình hài là thuộc về Nho giáo với triết lý Tài mệnh tương đố (*Trăm năm trong cõi người ta/ Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*), nhưng hồn cốt là thuộc Phật giáo với nỗi đau nhân thế mệnh mông bát ngát, trong đó có nỗi: *Đau đớn thay phận đàn bà/ Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*” trong muôn nơi muôn thuở.

Đạo giáo đã vào nước ta cùng với Nho giáo để rồi cùng với truyền thống tín ngưỡng dân gian bản địa đa sắc tộc đã tạo ra đời sống tâm linh vô cùng phong phú ở khắp nơi khắp chốn, bao gồm văn hóa vật thể (tangible) và văn hóa phi vật thể (intangible). Đạo Mẫu cùng với đạo thờ tổ tiên đều đáng được coi là quốc đạo của Việt Nam. Trong đời sống tâm linh Việt Nam xưa, đền chùa lễ hội kèm theo các nghi thức tế lễ, lên đồng, cầu cúng, bói toán... dày đặc đã góp phần giữ yên cuộc sống yên bình cho quê hương xứ sở; đó là

mặt tích cực. Nhưng không phải không có mặt tiêu cực trong sự phát triển đất nước; đó là gây ra sự trì trệ.

Ở nước ta, từ thế kỷ XVII thì có thêm Thiên chúa giáo từ phương Tây xa xôi đến và đã ngày một phát triển trong hoàn cảnh đất nước là thuộc địa của thực dân Pháp. Từ đó cũng dần dần tạo ra loại hình văn hóa Thiên chúa giáo Việt Nam mà ảnh hưởng ở buổi đầu thì chỉ bó hẹp trong phạm vi tín đồ. Nhưng sau đó đã có vai trò tiên phong trong công cuộc hiện đại hóa văn hóa Việt Nam, trong việc hoàn thiện và phát triển văn hóa văn học bằng chữ quốc ngữ ở buổi đầu với vai trò tiên phong của Trương Vĩnh Ký. Riêng 58 bản điều trần của nhà ái quốc theo đạo Thiên chúa Nguyễn Trường Tộ thì đã đặt một cột mốc sáng chói trong lịch sử văn chương chính luận Việt Nam.

4. Cuộc đụng độ Đông - Tây trên phương diện văn hóa

Phương Tây trên đường phát triển tư bản chủ nghĩa đã đưa nhau sang phương Đông đang chìm đắm trong nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu để kiếm thị trường. Phương Đông, trừ Nhật Bản và Thái Lan, đã trở thành thuộc địa hoặc bán thuộc địa của tư bản phương Tây. Trung Hoa từng xưng hùng xưng bá trong khu vực thì nay cũng tựa như một con voi già nằm khểnh, chịu để cho mấy con sói con từ trời Tây xa xôi đến, con khoét tai con gặm má.

Trong hoàn cảnh đó cuộc đụng độ văn hóa Đông - Tây đã diễn ra với hai mặt: tích cực và tiêu cực. Tích cực là hỗ trợ văn hóa phương Đông phát triển theo hướng hiện đại hóa, dân chủ hóa. Tiêu cực là tạo ra sự áp đảo văn hóa phương Đông theo qui luật áp đảo và bị áp đảo trong tương quan mạnh yếu: Mạnh nên áp đảo được, yếu nên bị áp đảo. Trong khi kẻ mạnh không phải cái gì cũng hay, vẫn có cái dở, kẻ yếu không phải cái gì cũng dở vẫn có cái hay. Nhưng một khi đã có sự áp đảo thì cái dở của kẻ mạnh cũng thắng thế. Ngược lại, cái hay của kẻ yếu cũng thất thế. Diễn ngôn Đông - Tây là sự phản ứng đa dạng của chính khách, của trí thức

nước ta dưới thời Pháp thuộc, là một hiện tượng đáng kể trong đời sống văn hóa. Trong đó có điều đáng buồn là trước sự áp đảo đó có không ít người choáng ngợp trước văn hóa phương Tây mà quay ra rề rúm, chê bai thành quả quý báu của phương Đông mình. Tham luận của tôi về "*Sự áp đảo của phương Tây đối với phương Đông trên phương diện văn hóa và tinh thần truyền thống*" [6] tại Chương trình khoa học quốc gia KX.07 về chủ đề "*Con người với tư cách mục tiêu và động lực phát triển đất nước*" đã nói rõ tình hình áp đảo. Riêng Việt Nam ta còn có chuyện thay chữ viết Hán Nôm bằng chữ quốc ngữ La tinh hóa trong khi cả khu vực không đâu thay, thì cái được rất lớn nhưng cái mất cũng không nhỏ. Được là có chữ quốc ngữ mà hiện đại hóa và dân chủ hóa được nền văn hóa văn học. Nhưng mất là tạo ra sự giãn cách lịch sử rất bất lợi cho việc bảo tồn văn hóa truyền thống. Cố đạo Puginier là người hăng hái cổ động chính quyền thực dân Pháp thay nhanh chữ quốc ngữ để có công cụ truyền giáo chẳng đã nói: "*Thay chữ viết là thay cả một nền văn hóa*". Năm 1943 Toàn quyền Decoux lại còn nói: "*Chúng ta có một cái tội là thay chữ viết Hán Nôm bằng chữ quốc ngữ làm cho con cháu người Việt Nam ngày nay không hiểu gì về tổ tiên của họ nữa*" [7]. Rõ ràng là muốn xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc thì bên cạnh sự tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại là phải phục hưng, thoát áp, phải hạn chế tình trạng *dĩ Âu vi trung*.

Tình hình chung ở phương Đông là vậy. Riêng Nhật Bản đáng coi là ngoại lệ không bị áp đảo. Do không bị biến thành thuộc địa đã đành nhưng chủ yếu là do đã sớm duy tân đất nước. Ở thế kỷ XVI, Trung Quốc có Vương An Thạch là nhà duy tân sáng giá nhưng lại không được quê hương đón nhận, trong khi nước Nhật đón nhận và có kết quả rõ nhất là phát triển giáo dục. Có tài liệu cho biết ở thế kỷ XVI, Nhật đã có 60% dân số ham đọc sách trong khi ở nước Anh chỉ mới 17%. Và đó là một trong những lý do để thế lực tư bản phương Tây không đánh

chiếm Nhật Bản. Ở thế kỷ XIX, trong khi phương Tây ào ạt sang phương Đông chiếm thuộc địa thì năm 1868 Nhật Bản đã tiến hành cuộc Minh Trị duy tân vĩ đại với đường lối: *Tinh thần Nhật Bản, kỹ thuật phương Tây*. Tinh thần Nhật Bản là gồm bốn cây cột cái: Nho giáo được Nhật hóa, Phật giáo được Nhật hóa, tinh thần Võ sĩ đạo, thần đạo dân gian. Có tài liệu nói Nhật Bản có 2 triệu thần. Nhật Bản cơ bản không sa vào nạn bài Nho, ngược lại biết lợi dụng Nho giáo ở tinh thần kỷ cương, ở học thuyết Trung dung để cộng sinh. Ở Nhật Bản, Dịch học là một môn học chính trong nhà trường. Từ đó mà nước Nhật là một quốc gia toàn là đảo và đảo giữa biển khơi không được thiên nhiên đãi ngộ gì đã trở thành siêu cường thứ hai, và nay là thứ ba của toàn thế giới. Trong tư thế: *Tinh thần Nhật Bản, kỹ thuật phương Tây* dù vậy cũng không thoát khỏi qui luật trần gian thiện ác tương tranh. Ôsin trong phim *Ôsin* của Nhật Bản sang Việt Nam thì thành con ở gái; nhưng với nước Nhật, hình tượng nghệ thuật Ôsin là biểu tượng của bản sắc tinh hoa Nhật Bản gồm ba chủ điểm: 1) Đã là người Nhật thì phải quyết tâm thoát khỏi nghèo đói; 2) Giàu nghèo cộng sinh để tồn tại; 3) Giàu có đi đôi với đạo lý.

5. Ôn cố tri tân

Ôn cố tri tân (Ôn cái cũ để biết cái mới) là một yêu cầu tối cần không thể thiếu trong công cuộc xây dựng phát triển đất nước mọi mặt từ phạm vi quốc gia cho đến mỗi nhà, mỗi người. Lịch sử vốn là một dòng chảy. Có cũ mới có mới, trước sau nối liền nhau theo qui luật tiếp biến. Hình như đầu đó đã hiểu sai luận điểm quen nghe của Heraclit: “Người ta không bao giờ tắm hai lần trong một dòng sông” với nghĩa là chỉ có mới và mới vì nước chỉ chảy xuôi mà không chảy ngược. Đúng là thế, nhưng vẫn là nước vẫn là dòng sông. Hồ Chủ tịch khuyên dạy: Dân ta phải biết sử ta”, “Các vua Hùng có công

dựng nước, Bác cháu ta phải chăm lo giữ nước”. Mà với Hồ Chí Minh giữ nước là để xây dựng một đất nước kết hợp đức trị với pháp trị, dựa trên cơ sở đức trị trong đó tu đức là gốc rễ của công đức với nội dung tu thân cần kiệm liêm chính để chí công vô tư. Đất nước từ lâu đã có chủ trương tiếp thu truyền thống văn hóa trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới, đạo đức mới, văn hóa mới, văn nghệ mới. Gần đây thì chủ trương xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc. Để có được điều trọng yếu đó một cách hoàn chỉnh hơn thì phải ôn cố tri tân một cách tích cực hơn. Ở đây là ôn lại tình hình văn hóa phương Đông xưa trong đó có văn hóa Việt Nam ta xưa. Ôn cố tri tân không phải là phục cổ mà là gạt đục khơi trong, đãi cát tìm vàng, phục hưng tinh hoa văn hóa dân tộc đã bị thời gian, bị sự áp đảo của văn hóa phương Tây che khuất không ít. Từ đó biết lựa chọn những gì xưa là ưu việt trong cuộc sống mà nay cần kế thừa. Rất mong được đồng đảo người Việt Nam ta, đặc biệt là những vị có trách nhiệm chính về tư tưởng, văn hóa, giáo dục, chuyên về lý luận, về khoa học xã hội và nhân văn quan tâm và cùng bàn bạc về vấn đề trọng yếu này; trong hoàn cảnh đất nước đang hiện đại hơn, văn hóa hơn, giàu có hơn, sung sướng hơn nhưng xem ra thì thuần phong mỹ tục lại đang có chiều hướng “hòa tan” tha hóa, khí quyển đạo lý lại đang loãng dần, gây bức xúc trong xã hội là điều không thể chối cãi.*

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Đình Chú (2017a), Vấn đề ngã và phi ngã trong văn học Việt Nam thời trung đại, trong Nguyễn Đình Chú, Tuyển tập (Văn học), Nxb. Giáo dục.
- [2]. Nguyễn Đình Chú (2017b), Thế nào là đổi mới tư duy, trong Nguyễn Đình Chú, Tuyển tập (Những bài viết sau

* Bài viết đã sử dụng những ý kiến đã có ở bài này bài khác trong khi mỗi bài có chủ điểm khác nhau mà vẫn cần có những ý kiến đó.

- năm 1975): Văn hóa Văn học Giáo dục, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Đình Chú (2017c), Hôm nay với Nho giáo – Để hiểu đúng giá trị đạo luân thường của Nho giáo – Nguyễn Ái Quốc Hồ Chí Minh với Nho giáo, trong Nguyễn Đình Chú, Tuyển tập (Những bài viết sau năm 1975): Văn hóa Văn học Giáo dục, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Đình Chú (2017d), Vị trí của văn hóa Phật giáo trong nền văn hóa Việt Nam, trong Nguyễn Đình Chú, Tuyển tập (Những bài viết sau năm 1975): Văn hóa Văn học Giáo dục, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Đình Chú (2017e), Một thoáng cung chiêm Đệ nhất minh triết Phật hoàng Trần Nhân Tông, trong Nguyễn Đình Chú, Tuyển tập (Những bài viết sau năm 1975): Văn hóa Văn học Giáo dục, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Đình Chú (2017g), Sự áp đảo của phương Tây đối với phương Đông trên phương diện văn hóa và tinh thần truyền thống, trong Nguyễn Đình Chú, Tuyển tập (Những bài viết sau năm 1975): Văn hóa Văn học Giáo dục, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Đình Chú (2017h), Cần khẩn trương khôi phục việc dạy chữ Hán trong nhà trường phổ thông Việt Nam, trong Nguyễn Đình Chú, Tuyển tập (Những bài viết sau năm 1975): Văn hóa Văn học Giáo dục, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Cao Xuân Huy (1994), Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu, Nguyễn Huệ Chi soạn chú giới thiệu, Nxb. Văn học.
- [9]. Các Mác (1994), Góp phần phê phán pháp quyền của Heghen- Lời nói đầu, trong Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Viện nghiên cứu tôn giáo, Về tôn giáo Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, trang 11.
- [10]. Trần Đức Thảo (1995), Lịch sử tư tưởng trước Mark, Nxb. Khoa học xã hội, trang 186.